TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THUẬN AN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số:71/2024/HNGĐ-ST Ngày: 18-7-2024 V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Võ Thị Thu Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Ngọc Phương
2. Bà Lê Thị Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Vương Triều – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà: Bà Mai Thị Năm - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 80/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị B, sinh năm 1985; địa chỉ: 1 Xóm C, phường A, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh. Tạm trú: Nhà trọ bảy Biện, đường B khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Hoàng A, sinh năm 1975; địa chỉ: B khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Phạm Thị B trình bày:

Bà Phạm Thị B và ông Lê Hoàng A tự nguyện chung sống, có tổ chức lễ cưới vào năm 2006, nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khoảng thời gian chung sống, bà B và ông A thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng quan điểm. Vợ chồng đã không còn chung sống cách nay đã nhiều năm, hiện tại tình cảm không còn,

bà B yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị B với ông Lê Hoàng A.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Phạm Thị Anh Đ, sinh ngày 11/9/2007, tại đơn khởi kiện bà B yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, con chung có nguyện vọng được tiếp tục chung sống cùng ông A nên bà đồng ý giao con chung cho ông Hoàng Anh nuôi d, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Phạm Thị B không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng bị đơn ông Lê Hoàng A thống nhất yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị B, đồng thời có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Phạm Thị B và bị đơn ông Lê Hoàng A có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án đến trước phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về phần thủ tục Kiểm sát viên không có kiến nghị khắc phục gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Phạm Thị B khởi kiện ông Lê Hoàng A yêu cầu Tòa án xem xét không công nhận bà B và ông A là vợ chồng vì bà B và ông A chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn, đồng thời bà B có yêu cầu giải quyết về vấn đề con chung. Như vậy, quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn" theo quy định tại khoản 1, 7 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông A hiện đang cư trú tại phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Căn cứ Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Thuận An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về sự tham gia phiên tòa của các đương sự: Nguyên đơn bà Phạm Thị B và bị đơn ông Lê Hoàng A có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Bà Phạm Thị B ông Lê Hoàng A thừa nhận chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới từ năm 2006 nhưng không thực hiện việc đăng ký

kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải, động viên hai bên hàn gắn để tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng bà B và ông A xác định vợ chồng không còn tình cảm và đã ly thân cách nay nhiều năm, hai bên đều không mong muốn đoàn tụ. Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 9, Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này*". Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận bà Phạm Thị B và ông Lê Hoàng A là vợ chồng.

[3] Về con chung: Ông Lê Hoàng A và bà Phạm Thị B có 01 con chung tên Lê Phạm Thị Anh Đ, sinh ngày 11/9/2007. Tại đơn khởi kiện bà B yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, theo bản tự khai ngày 26/4/2024 cháu Lê Phạm Thị Anh Đ có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với cha là ông Lê Hoàng A, bà B thống nhất con chung cháu Đ tiếp tục chung sống cùng cha. Để đảm bảo việc nuôi dưỡng con chung được thực hiện đúng quy định pháp luật. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử giao con Lê Phạm Thị Anh Đ cho ông Lê Hoàng A chăm sóc nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Phạm Thị B không cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Từ những nhận định trên, xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Phạm Thị B đối với bị đơn ông Lê Hoàng A.

Về án phí sơ thẩm: Đương sự phải nộp theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 146, 147, 228, 266, 271 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 9, 14, 56, 81, 82, 83, 84, 85 và Điều 86 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị B với bị đơn ông Lê Hoàng A về việc ly hôn.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Phạm Thị B và ông Lê Hoàng A là vợ chồng.

- Về con chung: Giao con chung Lê Phạm Thị Anh Đ, sinh ngày 11/9/2007 cho ông Lê Hoàng Anh nuôi d1, chăm sóc, giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Phạm Thị B không cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được quyền cản trở bà Phạm Thị B trong việc thăm nom, chăm sóc con chung.

Vì lợi ích hợp pháp của con chung, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về án phí sơ thẩm:

Bà Phạm Thị B phải nộp 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ toàn bộ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004606 ngày 19/01/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo luật định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thuận An;
- CC THADS TP. Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Thu Thảo